**NỘI DUNG ÔN TẬP CỦA MÔN TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ**

**CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ**

**Câu 1: So sánh tiền tệ với hàng hóa thông thường?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hàng hóa**  **thông thường** | **Tiền tệ**  **(Hàng hóa đặc biệt)** |
| *Khái niệm* | Hàng hóa là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người và dùng để trao đổi với nhau | Tiền tệ là một hàng hóa đặc biệt được chấp nhận chung trong thanh toán và đóng vai trò là vật ngang giá chung để đổi lấy hàng hóa và dịch vụ hoặc để hoàn trả các khoản nợ |
| *Điều kiện ra đời* | Sự ra đời của sản xuất hàng hóa dựa trên hai điều kiện: Sự phân công lao động xã hội và sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế giữa những người sản xuất | Quá trình phát triển và lưu thông hàng hóa dẫn đến sự cần thiết cần có vật trung gian trong trao đổi |
| *Đặc trưng, bản chất* | Giá trị sử dụng: Công dụng của sản phẩm có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người trong tiêu dùng  Giá trị: Lao động xã hội của người sản xuất ra hàng hóa kết tinh trong hàng hóa | Giá trị sử dụng: Là khả năng thỏa mãn nhu cầu sử dụng làm vật trung gian trong trao đổi  Giá trị: Thể hiện sức mua của tiền, đó là khả năng trao đổi được ít hay nhiều hàng hóa. |
| *Yếu tố quy định giá trị sử dụng* | Do đặc tính tự nhiên của hàng hóa quy định | Do xã hội quy định |
| *Thời gian tồn tại giá trị sử dụng* | Tồn tại vĩnh viễn với đặc tính tự nhiên | Mang tính lịch sử, tồn tại trong những giai đoạn nhất định |

**Câu 2: Hoạt động và hiện tượng nào được xem thuần túy thuộc phạm trù tài chính? Giải thích?**

**Hoạt động và hiện tượng nào không được xem thuần túy thuộc phạm trù tài chính? Giải thích?**

- Mua một tá trứng hết 150 USD ở Venezuela

- Nhà nước Việt Nam đầu tư tiền xây dựng trường học ở các tỉnh miền núi

- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) gửi tiền ngân hàng 25.300 tỷ đồng nhằm đầu tư an toàn, hiệu quả

- Ngân hàng liên doanh Shinhan Vina góp vốn liên doanh, liên kết với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 240.287 triệu đồng

- Học sinh, sinh viên vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành tiền loại mệnh giá 100 đồng để lưu niệm

- Nhà nước Việt Nam trợ giá cho xe buýt công cộng

- Con dâu mừng tuổi cho mẹ chồng vào đầu năm mới nhân dịp xuân về

- Công ty Phát Tài kinh doanh thua lỗ trong năm 2015

- Venezuela đối mặt với Siêu lạm phát : Cướp có vũ trang từ chối không lấy tiền Bolivar

- Thị giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương tăng liên tục sau sự kiện Brexit

- Zimbabwe **chuẩn bị phát hành một đồng tiền tương tự như đồng USD nhằm giải quyết tình trạng thiếu tiền mặt**

Giải thích: Cho các tình huống thực tiễn

Hoạt động và hiện tượng được xem là thuần túy thuộc phạm trù tài chính khi bao gồm các đặc trưng cơ bản sau:

- Sự vận động của tiền tệ độc lập tương đối với hàng hóa

- Gắn liền với việc tạo lập và sử dụng quỹ tiền tệ của một chủ thể kinh tế - xã hội

- Không làm thay đổi lượng cung tiền tức chỉ thay đổi chủ sở hữu/chủ sử dụng.

**Câu 3: Xác định những giao dịch nào là thuộc tài chính trực tiếp, tài chính gián tiếp? Giải thích?**

- Công ty Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh phát hành 1.000 tỷ đồng trái phiếu cho hai ngân hàng TPBank và VIB.

- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) mua trái phiếu Chính phủ trị giá 5.000 tỷ đồng.

- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex góp vốn mua cổ phần trực tiếp của Vietcombank trị giá 14.700 triệu đồng.

- VietinBank bán 15% cổ phần cho Ngân hàng Canada **(Bank of Nova Scotia).**

Giải thích: Cho các tình huống thực tiễn

- Quan hệ tài chính trực tiếp: là quan hệ tài chính giữa các tác nhân thừa vốn và tác nhân thiếu vốn thông qua thị trường tài chính.

- Quan hệ tài chính gián tiếp: là quan hệ tài chính giữa các tác nhân thừa vốn và tác nhân thiếu vốn thông qua các trung gian tài chính.

**Chương 2: Tài chính công và chính sách tài khóa**

**Câu 4: Phân biệt sự khác nhau giữa phạm trù tài chính Nhà nước và tài chính công?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tài chính công** | **Tài chính Nhà nước** |
| *1. Chủ thể* | Nhà nước và các cơ quan, đơn vị được Nhà nước ủy quyền | Nhà nước; các cơ quan, đơn vị được Nhà nước ủy quyền và các doanh nghiệp Nhà nước |
| *2. Tính chất* | Không gắn với các hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận | Bao gồm cả các hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận của các DNNN |
| *3. Mục đích* | Gắn với nhiệm vụ chi tiêu để thực hiện các chức năng của Nhà nước, cung cấp các hàng hóa công thuần túy cho xã hội | Không chỉ phục vụ việc thực hiện các chức năng của Nhà nước, mà còn bao gồm các hoạt động chi tiêu để sản xuất, cung cấp các loại hàng hóa thông thường tại các DNNN |

**Câu 5: Nêu khái niệm lệ phí và phí. Phân biệt phí và lệ phí?**

*Lệ phí:* Là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước (hoặc tổ chức được Nhà nước ủy quyền) thực hiện công việc quản lý Nhà nước nhằm đảm bảo quyền lợi cho chủ thể nộp lệ phí. Ví dụ: lệ phí tuyển sinh, lệ phí trước bạ, lệ phí công chứng...

*Phí:* Là khoản thu của NSNN do cá nhân, tổ chức nộp vào quỹ NSNN khi thụ hưởng lợi ích từ hàng hóa, dịch vụ công cộng được cung cấp bởi Nhà nước. Ví dụ: Học phí, viện phí, phí cầu đường, phí vệ sinh...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Lệ phí** | **Phí** |
| *1. Đối tượng trực tiếp thu* | Cơ quan quản lý Nhà nước/ tổ chức được Nhà nước ủy quyền | Cơ quan sự nghiệp công cộng. |
| *2. Đối tượng nộp* | Cá nhân, tổ chức được hưởng lợi ích từ các hoạt động hành chính do Nhà nước cung cấp. | Cá nhân, tổ chức được hưởng lợi ích từ các hàng hóa, dịch vụ công được cung cấp bởi Nhà nước. |
| *3. Mục đích nộp* | - Bù đắp chi phí hoạt động hành chính do Nhà nước cung cấp.  - Sự đóng góp thêm vào NSNN. | Bù đắp chi phí thường xuyên/bất thường cho dịch vụ công cộng được cung cấp bởi Nhà nước và bù đắp chi phí tu bổ các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho người dân. |
| *4. Tính hoàn trả* | Trực tiếp | Trực tiếp |

**Chương 4: Thị trường tài chính**

**Câu 6: So sánh thị trường tiền tệ với thị trường vốn?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Thị trường tiền tệ** | **Thị trường vốn** |
| *Công cụ* | - Tín phiếu kho bạc, tín phiếu NHTW  - Thương phiếu  - Chấp phiếu ngân hàng  - Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng  - Hợp đồng mua lại  - Dự trữ ngân hàng  - EuroDollar | - Trái phiếu  - Cổ phiếu  - Chứng khoán phái sinh  - Các khoản vay thế chấp |
| *Đặc trưng* | - Thời hạn các công cụ tài chính ngắn  - Có tính thanh khoản cao  - Độ rủi ro thấp  - Biến động giá thấp  - Lợi nhuận thấp | - Thời hạn các công cụ tài chính dài  - Có tính thanh khoản thấp  - Độ rủi ro cao  - Biến động giá cao  - Lợi nhuận cao |
| *Chức năng* | Bù đắp chênh lệch giữa cung và cầu vốn khả dụng 🡪 Thị trường quan trọng để tài trợ các nhu cầu về vốn ngắn hạn của các doanh nghiệp (vốn lưu động) và Chính phủ | Thỏa mãn nhu cầu về vốn đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp (vốn cố định) và Chính phủ |

**Câu 7: Khái niệm thị trường sơ cấp, thị trường thứ cấp ? Phân tích mối quan hệ giữa thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp**

**- Thị trường sơ cấp:** là thị trường trong đó các chứng khoán mới được các nhà phát hành bán cho các khách hàng đầu tiên, và do vậy còn được gọi là thị trường phát hành.

**- Thị trường thứ cấp:** là thị trường trong đó các chứng khoán đã được phát hành trên thị trường sơ cấp được mua đi bán lại, làm thay đổi quyền sở hữu chứng khoán. Nó được xem như là thị trường bán lẻ các chứng khoán.

**- Mối quan hệ giữa thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp:** Giữa thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp có mối liên hệ tác động qua lại với nhau.

* Thị trường sơ cấp đóng vai trò tạo cơ sở cho các hoạt động của thị trường thứ cấp vì nó là nơi tạo ra hàng hóa để mua bán trên thị trường thứ cấp.
* Thị trường thứ cấp cũng có tác động trở lại đối với thi trường sơ cấp, đóng vai trò tạo động lực cho sự phát triển của thi trường này: Thị trường thứ cấp tạo tính lỏng cho chứng khoán được phát hành trên thị trường sơ cấp, nhờ vậy làm tăng tính hấp dẫn của các chứng khoán, giúp cho việc phát hành chứng khoán ở thị trường sơ cấp được thuận lợi hơn; Thị trường thứ cấp đóng vai trò xác định giá của các chứng khoán sẽ được phát hành trên thị trường sơ cấp. Các nhà đầu tư trên thị trường sơ cấp không thể mua các chứng khoán phát hành mới trên thị trường này với giá cao hơn giá mà họ nghĩ sẽ có thể bán được tại thị trường thứ cấp.

**CHƯƠNG 5: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

**Câu 8: So sánh ngân hàng thương mại với các tổ chức tài chính phi ngân hàng?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các tổ chức tài chính phi ngân hàng** | **Ngân hàng** |
| - Là tổ chức không nhận tiền gửi không kỳ hạn  - Không phải tạo lập dự trữ bắt buộc  - Không có chức năng trung gian thanh toán: không thực hiện nghiệp vụ thanh toán cho khách hàng.  - Không tham gia vào quá trình tạo tiền gửi và không bị chi phối, điều hành và kiểm soát bởi NHTƯ. | - Là tổ chức được phép nhận tiền gửi không kỳ hạn  - Phải tạo lập dự trữ bắt buộc  - Có chức năng trung gian thanh toán: thực hiện nghiệp vụ thanh toán cho khách hàng.  - Có khả năng tạo tiền theo cấp số nhân và chịu sự chi phối, điều hành và kiểm soát của NHTƯ. |

**Câu 9: Năm 2012, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) là ngân hàng Việt Nam đầu tiên phát hành thành công trái phiếu quốc tế với giá trị 250 triệu USD. Trái phiếu mà Vietinbank phát hành là trái phiếu thông thường không có tài sản bảo đảm, thời hạn 5 năm. Trái phiếu được phát hành bằng đô la Mỹ, với lãi suất cố định là 8% một năm, và được thanh toán hai lần một năm khi đến kỳ thanh toán lãi suất. Hãy cho biết đây là nghiệp vụ nào của Vietinbank và giải thích? Số lượng trái phiếu quốc tế này sẽ đáo hạn vào thời gian nào và sẽ được giao dịch trên loại thị trường tài chính nào vào thời gian đó (nếu căn cứ vào tiêu thức mục đích hoạt động của thị trường)?**

- Trên đây là nghiệp vụ nguồn vốn (/nghiệp vụ tài sản Nợ/nghiệp vụ tạo nguồn) của ngân hàng. Bởi vì: đây là hoạt động hình thành vốn kinh doanh của ngân hàng thông qua phát hành giấy tờ có giá.

- Số lượng trái phiếu quốc tế này sẽ đáo hạn vào năm 2017 và sẽ được giao dịch trên thị trường thứ cấp vào thời gian đó (nếu căn cứ vào tiêu thức mục đích hoạt động của thị trường).

**CHƯƠNG 6: TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT**

**Câu 10: So sánh các hình thức tín dụng?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tín dụng thương mại** | **Tín dụng ngân hàng** | **Tín dụng Nhà nước** |
| *Chủ thể tham gia* | Các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất kinh doanh với nhau. | Một bên là ngân hàng và một bên là các chủ thể khác (tổ chức, cá nhân,…) trong nền kinh tế. | Một bên là Nhà nước và một bên là các chủ thể khác trong nền kinh tế có thể trong nước hoặc ngoài nước. |
| *Đối tượng tín dụng* | Hàng hóa | Vốn tiền tệ là chủ yếu | Vốn tiền tệ là chủ yếu, cũng có thể bằng hiện vật |
| *Thời hạn* | Ngắn hạn là chủ yếu. | Rất linh hoạt: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. | Ngắn, trung, dài hạn. |
| *Công cụ* | Thương phiếu | Rất linh hoạt: kỳ phiếu, trái phiếu ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tín dụng,… | - Giấy tờ có giá (tín phiếu kho bạc, trái phiếu Chính phủ,…)  - Hiệp định, hiệp ước vay nợ |
| *Tính chất* | Trực tiếp | Gián tiếp | Trực tiếp |
| *Mục đích* | Phục vụ nhu cầu sản xuất và lưu thông hàng hóa vì mục tiêu lợi nhuận | Phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc tiêu dùng qua đó thu được lợi nhuận. | Phục vụ cho nhu cầu của ngân sách nhà nước. |

Câu 11: Trình bày các khái niệm: Lãi suất thả nổi và lãi suất cố định và cho biết ưu nhược điểm của chúng?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Lãi suất cố định** | **Lãi suất thả nổi** |
| *Khái niệm* | Là lãi suất được áp dụng trong suốt thời hạn vay. | Là lãi suất có thể thay đổi phù hợp với sự biến động của lãi suất thị trường và có thể báo trước hoặc không báo trước. |
| *Ưu điểm* | Người gửi tiền và người vay tiền biết trước số tiền lãi được trả và phải trả. | Thích hợp trong một môi trường đầu tư không ổn định và các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất là khó dự đoán. |
| *Nhược điểm* | Bị ràng buộc vào một lãi suất nhất định trong một thời gian nào đó, các tổ chức tín dụng và người vay tiền khó có khả năng phản ứng linh hoạt với các biến động (nếu có) của cung cầu trên thị trường tài chính. | Người đi vay và người cho vay không thể xác định chính xác mức lãi suất sẽ phải trả. |

**CHƯƠNG 7: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG (NHTƯ) VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ**

**Câu 12:** **So sánh các công cụ Dự trữ bắt buộc, tái chiết khấu, nghiệp vụ thị trường mở của Chính sách tiền tệ?**

*Công cụ tái chiết khấu:*

NHTƯ cấp tín dụng cho NHTM qua nhiều hình thức, thông dụng nhất là tái cấp vốn dưới hình thức:

* + Chiết khấu
  + Tái chiết khấu các thương phiếu

Khi chiết khấu hay tái chiết khấu là NHTƯ đã làm tăng khối lượng tiền trong lưu thông.

*Công cụ dự trữ bắt buộc:*

Tỷ lệ DTBB là tỷ lệ % tính trên tổng vốn huy động được mà các NHTM không được sử dụng để kinh doanh.

Mục đích của việc thực hiện DTBB:

* Duy trì khả năng thanh toán thường xuyên của các NHTG
* Giới hạn khả năng cho vay của NHTG, tránh được trường hợp NH này quá ham kiếm lợi nhuận bằng cách cho vay quá mức.
* Là một phương tiện để NHTƯ có thêm quyền lực điều khiển hệ thống NH, tạo sự lệ thuộc của NHT vào NHTƯ

*Công cụ nghiệp vụ thị trường mở:*

Là công cụ chủ động của NHTƯ để điều khiển khối lượng tiền lưu thông.

Là nghiệp vụ NHTƯ tham gia mua, bán GTCG ngắn hạn trên thị trường tiền tệ với NHTM với mục đích:

* Tác động đến thị trường tiền tệ
* Điều hòa cung và cầu về GTCG
* Gây ảnh hưởng đến khối dự trữ của NHTM tại NHTƯ 🡪 tác động đến khả năng cung ứng tín dụng của các NH này.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Công cụ**  **Khía cạnh** | **Dự trữ bắt buộc** | **Tái chiết khấu** | **Nghiệp vụ**  **thị trường mở** |
| *Tính linh hoạt* | Không cao vì việc tổ chức thực hiện nó rất chậm, phức tạp, tốn kém và nó có thể ảnh hưởng không tốt tới hoạt động kinh doanh của các NHTM. | Tương đối cao. | Cao, chính xác có thể được sử dụng ở bất kì mức độ nào. |
| *Chủ động* | NHTƯ chủ động trong việc điều chỉnh lượng tiền cung ứng và tác động của nó cũng rất mạnh vì đây là công cụ mang nặng tính quản lý Nhà nước. | NHTƯ thường bị động trong việc điều tiết lượng tiền cung ứng vì NHTƯ chỉ có thể thay đổi lãi suất chiết khấu nhưng không thể bắt các NHTM đến vay chiết khấu ở NHTƯ. | NHTƯ có chể chủ động tiến hành mà không cần phải phụ thuộc vào nhu cầu của các NH trung gian. |
| *Khả năng đảo ngược tình thế* | Khó có khả năng đảo ngược tình thế vì chỉ cần thay đổi một lượng nhỏ tỷ lệ dự trữ bắt buộc là ảnh hưởng tới một lượng rất lớn mức cung tiền. |  | Dễ đảo ngược tình thế vì khối lượng chứng khoán mua (bán) tỷ lệ với qui mô lượng tiền cung ứng cần điều chỉnh, ít tốn kém về chi phí. |
| *Tốc độ thực hiện* | Chậm vì khó khăn cho các NHTM khi áp dụng. |  | Có thể hoàn thành nhanh chóng không gây chậm trễ về mặt hành chính. |

**Câu 13: NHTƯ tham gia trực tiếp vào hoạt động vay và cho vay trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của NHTM. Bạn có nhận định như thế nào về vấn đề này?**

NHTƯ không trực tiếp tham gia vào hoạt động vay và cho vay trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng mà chỉ tham gia vào thị trường với tư cách là người điều tiết thị trường thông qua các công cụ chính sách tiền tệ.

**Câu 14: NHTƯ yêu cầu Kho bạc Nhà nước rút tiền ở NHTM để chuyển về gửi tại NHTƯ nhằm kiềm chế lạm phát. Bạn có nhận định như thế nào về vấn đề này?**

Kho bạc Nhà nước rút tiền ở NHTM để chuyển về gửi tại NHTƯ làm cho khả năng cho vay của NHTM giảm. Cụ thể là khả năng tạo tiền của NHTM giảm làm khả năng cung ứng tiền giảm. Điều này khiến cho lượng tiền trong lưu thông giảm từ đó góp phần kiềm chế lạm phát.

**CHƯƠNG 8: LẠM PHÁT**

**Câu 15:** **Hậu quả của lạm phát? "Lạm phát luôn luôn có tác hại đối với nền kinh tế", nhận định này là đúng hay sai? Giải thích?**

**Hậu quả của lạm phát:**

- Thứ nhât: Đồng tiền bị mất giá, giá cả hàng hóa tăng cao

- Thứ hai, tiền tệ và thuế là 2 công cụ quan trọng nhất để nhà nước điều tiết nền kinh tế đã bị vô hiệu hóa, vì tiền tệ bị mất giá nên không ai tin vào đồng tiền nữa, các biểu thuế không thể điều chỉnh kịp với mức độ tăng bất ngờ của lạm phát và do vậy tác dụng điều chỉnh của thuế bị hạn chế, ngay cả trong trường hợp nhà nước có thể chỉ số hóa luật thuế thích hợp với mức lạm phát, thì tác dụng điều chỉnh của thuế cũng vẫn bị hạn chế.

- Thứ ba, phân phối lại thu nhập, làm cho một số người nắm giữ các hàng hóa có giá trị tăng đột biến giàu lên nhanh chóng và những người có các hàng hóa mà giá cả của chúng không tăng hoặc tăng chậm và người giữ tiền bị nghèo đi.

- Thứ tư, kích thích tâm lý đầu cơ tích trữ hàng hóa, bất động sản, vàng bạc…gây ra tình trạng khan hiếm hàng hóa không bình thường và lãng phí.

- Thứ năm, xuyên tạc bóp méo các yếu tố của thị trường làm cho các điều kiện của thị trường bị biến dạng. Hầu hết các thông tin kinh tế đều thể hiện trên giá cả hàng hóa, giá cả tiền tệ, giá cả lao động…Một khi những giá cả này tăng hay giảm đột biến và liên tục thì các yếu tố của thị trường không thể tránh khỏi bị thổi phồng hoặc bóp méo.

- Thứ sáu, sản xuất phát triển không đều, vốn chạy vào những ngành nào có lợi nhuận cao.

- Thứ bảy, ngân sách bội chi ngày càng tăng trong khi các khoản thu ngày càng giảm về mặt giá trị.

- Thứ tám, đối với ngân hàng, lạm phát làm cho hoạt động bình thường của ngân hàng bị phá vỡ, ngân hàng không thu hút được các khoản tiền nhàn rỗi trong xã hội.

- Thứ chín, đối với tiêu dùng: làm giảm sức mua thực tế của nhân dân về hàng tiêu dùng và buộc nhân dân phải giảm khối lượng hàng tiêu dùng, đặc biệt là đời sống cán bộ công nhân viên ngày càng khó khăn. Mặt khác lạm phát cũng làm thay đổi nhu cầu tiêu dùng, khi lạm phát gay gắt sẽ gây nên hiện tượng là tmf cách tháo chạy ra khỏi đồng tiền và tìm mua bất cứ hàng hóa dù không có nhu cầu. Từ đó làm giàu cho những người đầu cơ tích trữ.

**Nhận định trên là SAI.**

**Các ảnh hưởng tích cực của lạm phát:**

- Lạm phát vừa phải tạo nên một sự chênh lệch giá hàng hóa, dịch vụ giữa các vùng làm cho thương mại năng động hơn.

- Lạm phát vừa phải làm cho nội tệ mất giá nhẹ so với ngoại tệ, đây là lợi thế để các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu tăng thu ngoại tệ cho nền kinh tế, khuyến khích sản xuất trong nước phát triển.

- Lạm phát vừa phải thường tương đồng với một tỷ lệ thất nghiệp nhất định. Đó là yếu tố buộc người lao động phải nâng cao trình độ chuyên môn, cạnh tranh chỗ làm việc.